TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1018**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 965/2026/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh ngày 02/3/2001.

Số Căn cước: 075301004037 ngày cấp 12/3/2026 tại Bộ C.

Địa chỉ: Tổ I, Khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai.

2. Người yêu cầu: Ông **Trương Hoàng K**, sinh ngày 09/5/2000.

Số Căn cước: 079200010446, ngày cấp 13/5/2025 tại Bộ C.

Địa chỉ: 6 Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T thực sự tự nguyện ly hôn với nhau, không đồng ý đoàn tụ;

[2]. Ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung;

[3]. Sự thỏa thuận của ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T bảo đảm quyền lợi chính đáng của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T thuận tình ly hôn.

1.1. Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2023, do Ủy ban nhân xã T, huyện B (nay là Ủy ban nhân dân xã B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2023 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T cùng xác nhận không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0030172 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Hoàng K và bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND KV10 – Tp.HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ;

THẨM PHÁN

Phan Thị Út

